

Số: 77/2025/QĐST-HNGĐ

K, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Lệ Q**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Nguyễn Tấn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Nguyễn Tấn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Thị Trúc H, sinh ngày 27/11/2004 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 16/8/2011. Bà Q và ông T thoả thuận như sau: Đối với cháu Nguyễn Thị Trúc H đã trưởng thành và không bị hạn chế năng

lực hành vi dân sự nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Tấn Đ, giao cháu Đ cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Q và ông T đều xin tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Q và ông T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi người nộp $\frac{1}{2}$, bà Q tự nguyện nộp toàn bộ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0009467 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền còn thừa bà Q được nhận lại là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND Thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Giang Phước Thành